

TÒA PHÚC THẨM TANDTC
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HC-PT
Ngày 18/8/2025
V/v Khiếu kiện hành vi hành
chính về quản lý đất đai trong
trường hợp thu hồi đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký viên.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Huy Hoàng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 189/2025/TLPT-HC ngày 27/02/2025 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1259/2025/QĐ-PT ngày 05/8/2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, phường K, tỉnh Ninh Bình (trước đây là phường T, thị xã B, tỉnh Hà Nam); có mặt ông H, bà L tại phiên tòa.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Ninh Bình (kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND thị xã B, tỉnh Hà Nam); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân phường K, tỉnh Ninh Bình (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* *Người khởi kiện trình bày:* Năm 1997 ông H, bà L mua thửa đất số 19 tờ bản đồ PL 5 địa chỉ thửa đất Thôn N, Xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam, diện tích thửa đất là 117m² của hộ gia đình ông Đỗ Trọng Ch cùng địa chỉ Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Cùng năm 1997 ông bà xây dựng công trình trên thửa đất đó phía sau (phía ao) là công trình phụ, giữa là nhà hai tầng, phía trước giáp đường nhựa là nhà bán mái (để bán tạp hóa), các công trình đó được xây dựng đúng trên diện tích 117m² không vượt quá mốc giới hạn (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện B cấp ngày 26/6/2006).

Năm 2005 khi Nhà nước mở rộng đường giao thông ĐT 498B, tài sản của gia đình ông bà bị ảnh hưởng bởi dự án là quán bán tạp hoá và đất ở, tuy nhiên gia đình ông bà chưa được nhận tiền đền bù. Năm 2023, ông bà đề nghị UBND huyện B giải quyết nhưng cho đến nay chưa được giải quyết. Do đó, ông H, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND huyện B đền bù quán tạp hoá và đất ở khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường ĐT 498B và tiền lãi đối với khoản chậm trả theo quy định của pháp luật, cụ thể là đền bù cho gia đình ông, bà các khoản gồm: 10m² đất x 20.000.000 đồng/m² = 200.000.000 đồng và 69.305.690 đồng giá trị nhà bán mái quán tạp hoá.

* *Người bị kiện là UBND huyện B (do người đại diện) trình bày:* Theo hồ sơ địa chính năm 2009 thửa đất hộ ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L đang sử dụng thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ PL5, diện tích 117m², đất ONT tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Hộ ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/6/2006. Năm 2005, thực hiện chủ trương nâng cấp đường tỉnh 9003 (sông Cù), Hội đồng GPMB thực hiện dự án đã tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu đối với diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án. Kết quả kiểm kê tại biên bản kiểm kê ngày 26/10/2005 có chữ ký của hộ bà Đỗ Thị L xác định về đất đai hộ bà Đỗ Thị L không bị ảnh hưởng về đất đai, diện tích thực hiện dự án là đất lưu không; về tài sản vật kiến trúc cây cối hoa màu của hộ bà L được kiểm kê gồm có nhà bán mái lợp Proxi măng, sân trệt, cây hoa giấy. Căn cứ vào số liệu kiểm kê, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã xây dựng phương án đền bù giải phóng mặt bằng được phê duyệt tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 09/10/2006. Theo phương án, hộ bà Đỗ Thị L không được bồi thường hỗ trợ về đất, về tài sản - vật kiến trúc cây cối, hoa màu được bồi thường hỗ trợ với số tiền 3.169.841 đồng theo đơn giá bồi thường được tính theo Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 01/3/2006 của UBND tỉnh Hà Nam.

Ngày 09/8/2007, UBND huyện ban hành Quyết định số 1235/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường GPMB dự án đầu tư xây dựng công trình, cải tạo nâng cấp đường ĐT 9003, đơn giá bồi thường GPMB được tính theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 31/01/2007 của UBND tỉnh Hà Nam về việc điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo phương án bổ sung năm 2007, hộ bà Đỗ Thị L được bồi thường 3.639.922 đồng (tăng chênh lệch so với phương án năm 2006 là 470.081 đồng).

Năm 2021 thực hiện dự án cải tạo sửa chữa đường ĐT 498B, huyện B tại địa phận các xã V, T, N và thị trấn Q, huyện B. Theo hồ sơ dự án, hộ ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L không bị thu hồi đất ở tại thửa 19, tờ bản đồ PL5 để phục vụ dự án này.

UBND huyện đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L theo quy định của pháp luật từ năm 2006, đến năm 2023 ông bà mới có đơn đề nghị xem xét là không có căn cứ chấp nhận.

** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày:*
Năm 2006, hộ bà Đỗ Thị L và ông Trần Văn H được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ PL5, diện tích 117m², đất ở lâu dài tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Hà Nam. Thực hiện dự án cải tạo nâng cấp xây dựng đường tỉnh ĐT9003 (Sông Cù) huyện B, gia đình bà L bị ảnh hưởng bởi dự án và được Nhà nước bồi thường hỗ trợ về tài sản vật kiến trúc cây cối hoa màu mà không có bồi thường về đất. Đến năm 2021, khi thực hiện dự án cải tạo sửa chữa đường ĐT498B huyện B, giai đoạn 2, hộ bà Đỗ Thị L cũng không bị thu hồi đất ở tại thửa đất số 19, tờ bản đồ PL5 để phục vụ dự án này. Từ khi thực hiện dự án đến tháng 9 năm 2023 gia đình bà L ông H không có ý kiến kiến nghị nào gửi đến UBND xã N liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 16/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L về việc buộc UBND huyện B (nay là thị xã B), tỉnh Hà Nam phải đền bù quán tạp hoá và đất ở khi thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường ĐT 498B và tiền lãi đối với khoản chậm trả theo quy định của pháp luật.

- Bác yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo về quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/01/2025, người khởi kiện là ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Về tố tụng, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà L là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc

thẩm, không có tài liệu, chứng cứ mới để xem xét; đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tuy nhiên, phiên tòa đã được triệu tập nhiều lần, các đương sự vắng mặt không có kháng cáo và đã được tổng đạt giấy triệu tập, thông báo mở phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, theo đơn khởi kiện ngày 28/3/2024, ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện B đền bù quán bán hàng tạp hoá và đất ở khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường ĐT 489B theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là hành vi hành chính nêu trên, thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện, thấy rằng: Thửa đất số 19, tờ bản đồ PL5 bản đồ địa chính xã N năm 2009 của ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L đang sử dụng có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Trọng Ch, được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 với diện tích 117m² đất ở nông thôn.

[5] Năm 2005, thực hiện chủ trương nâng cấp đường tỉnh 9003 (Sông Cù) của UBND tỉnh Hà Nam, UBND huyện B đã thành lập hội đồng GPMB dự án, tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản vật kiến trúc, cây cối, hoa màu đối với diện tích bị ảnh hưởng bởi dự án. Kết quả kiểm kê tại biên bản kiểm kê ngày 26/10/2005 có chữ ký của bà Đỗ Thị L như sau: Về đất đai, hộ bà Đỗ Thị L không bị ảnh hưởng về đất đai, diện tích thực hiện dự án là đất lưu không. Về tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu của hộ bà Đỗ Thị L được kiểm kê gồm có nhà bán mái lợp Fibro xi măng, sân trệt, cây hoa giấy. Căn cứ vào số liệu kiểm kê, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện B đã xây dựng phương án đền bù giải phóng mặt bằng được phê duyệt tại Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 09/10/2006. Theo phương án, hộ bà Đỗ Thị L được bồi thường hỗ trợ về tài sản - vật kiến trúc, cây cối, hoa màu với số tiền 3.169.841 đồng theo đơn giá bồi thường được tính theo Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 01/3/2006 của UBND tỉnh Hà Nam. Ngày 09/8/2007, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1235/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường GPMB dự án đầu tư xây dựng công trình, cải tạo

nâng cấp đường ĐT 9003, đơn giá bồi thường GPMB được tính theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 31/01/2007 của UBND tỉnh Hà Nam về việc điều chỉnh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Theo phương án bổ sung năm 2007, hộ bà Đỗ Thị L được bồi thường 3.639.922 đồng (tăng chênh lệch so với phương án năm 2006 là 470.081 đồng). Đối với khoản bồi thường này, ông H, bà L cho rằng gia đình ông bà chưa nhận được bất kỳ thông báo hay quyết định nào về việc bồi thường. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ thì khi thực hiện dự án, hộ gia đình bà L, ông H không thuộc trường hợp hộ phải cưỡng chế tháo dỡ tài sản và dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ lâu, hồ sơ quyết toán của dự án đã được duyệt, ban quản lý dự án đã giải thể nên việc gia đình bà L, ông H cho rằng chưa nhận được thông báo hay quyết định nào về việc bồi thường, hỗ trợ về tài sản bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp đường tỉnh 9003 (Sông Cù) là không có căn cứ để xem xét.

[6] Năm 2021, dự án cải tạo sửa chữa đường ĐT 498B, huyện B qua địa phận các xã V, T, N và thị trấn Q được UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 31/10/2017. Theo hồ sơ thiết kế dự án có cấm mốc GPMB đoạn KM8+085,44-km8+113,83, phạm vi đất ở của hộ gia đình bà L dự kiến thu hồi là 16,0m² (tại thửa số 19, tờ PL5, tổng diện tích đất ở nông thôn là 117m²). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do phạm vi chiếm dụng vào công trình nhà ở nhỏ, mặt đường hiện trạng vẫn đảm bảo quy mô nên dự án được điều chỉnh thiết kế (được UBND tỉnh Hà Nam chấp nhận tại Văn bản số 3687/UBND-GTXD ngày 31/12/2021); theo đó đoạn tuyến KM8+085,44-km8+113,83 của Dự án chỉ thi công sửa chữa theo hiện trạng mặt đường cũ, không thực hiện GPMB nên không có quyết định thu hồi đất của hộ bà L.

[7] Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Trần Văn H, bà Đỗ Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn H và bà Đỗ Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang